

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2019/DS-PT

Ngày: 06-5-2019

V/v tranh chấp đòi quyền sử dụng
đất và ranh giới quyền sử dụng
đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội

Các Thẩm phán: Ông Đinh Chí Tâm

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lâm Hồng Diễm -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Tón- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 190/2019/TLPT- DS ngày 20 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp đòi quyền sử dụng đất và ranh giới quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2018/DS-ST ngày 18/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2019/QĐPT-DS ngày 03 tháng 4 năm 2019 giữa:

1. ***Nguyên đơn:***

1.1. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1936 (chết vào ngày 04/02/2018).

Địa chỉ: Ấp Long T, xã Long H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng*** của bà Phạm Thị N:

1.1.1. Nguyễn Quốc T1, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Xã Vĩnh T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

1.1.2. Nguyễn Chí T2, sinh năm: 1958.

Địa chỉ: phường An T, quận B, thành phố C.

1.1.3. Nguyễn Thị Thanh T3, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Phường 9, quận 3, Thành phố H.

1.1.4. Nguyễn Thị Mỹ T4, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

1.1.5. Nguyễn Thị Mỹ T5, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp Thới H, xã Vĩnh T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

1.1.6. Nguyễn Châu T6, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

1.1.7. Nguyễn Việt T7, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Phường 6, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

1.1.8. Nguyễn Thành T8, sinh năm 1961.

Địa chỉ: phường Mỹ P, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

1.1.9. Nguyễn Thị Mỹ T9, sinh năm 1976.

1.1.10. Nguyễn Việt T10, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Ấp Long T, xã Long H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người đại diện theo ủy quyền* của ông T1, bà T3, bà T4, bà T5, ông T6, ông T7, ông T8, chị T9, anh T10 là ông Nguyễn Chí T2 (theo văn bản ủy quyền ngày 30/8/2018).

1.2. Ông Nguyễn Quốc T1, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Xã Vĩnh T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người đại diện theo ủy quyền* của ông T1 là ông Nguyễn Chí T2 (theo văn bản ủy quyền ngày 24/8/2017).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1950.

Địa chỉ: ấp Thới H, xã Vĩnh T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Nguyễn Lâm C, sinh năm 1931 (chết).

- *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng* của ông Nguyễn Lâm C là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.2. Nguyễn Quốc T1, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Xã Vĩnh T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Nguyễn Chí T2, sinh năm: 1958.

Địa chỉ: phường An T, quận B, thành phố C.

3.4. Nguyễn Thị Thanh T3, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Phường 9, quận 3, Thành phố H.

3.5. Nguyễn Thị Mỹ T4, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.6. Nguyễn Thị Mỹ T5, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp Thới H, xã Vĩnh T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.7. Nguyễn Châu T6, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.8. Nguyễn Việt T7, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Phường 6, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3.9. Nguyễn Thành T8, sinh năm 1961.

Địa chỉ: phường Mỹ P, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3.10. Dương Thị Thanh Ng, sinh năm 1974.

3.11. Dư Trọng P, sinh năm 1965.

3.11. Dư Trọng H, sinh năm 1967.

3.12. Nguyễn Thị Mỹ T9, sinh năm 1976.

3.13. Nguyễn Việt T10, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Ấp Long T, xã Long H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người đại diện theo ủy quyền* của ông T1, bà T3, bà T4, bà T5, ông T6, ông T7, ông T8, chị Ng, anh P, anh H, chị T9, anh T10 là ông Nguyễn Chí T2.

3.14. Tăng Thị B, sinh năm 1948.

3.15. Nguyễn Thị M1, sinh năm 1971.

3.16. Nguyễn Thành C, sinh năm 1975.

3.17. Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1984.

3.18. Nguyễn Văn T, sinh năm 1987.

3.19. Nguyễn Thị Bé B, sinh năm 1985.

3.20. Nguyễn Văn M, sinh năm 1982.

3.21. Nguyễn Thị T, sinh năm 1973.

3.22. Nguyễn Thị Kiều D, sinh năm 1985.

Cùng trú tại: ấp Thới H, xã Vĩnh T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà B, chị M, anh C, anh Ch, anh T, chị B, anh M, chị T, chị D là ông Nguyễn Văn M (theo văn bản ủy quyền ngày 27/10/2014, ngày 19/12/2014).

3.23. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp (xin vắng mặt).

Địa chỉ: khóm 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn M là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Ông Nguyễn Chí T2, đồng thời đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Quốc T1, bà Nguyễn Thị Thanh T3, bà Nguyễn Thị Mỹ T4, bà Nguyễn Thị Mỹ T5, ông Nguyễn Châu T6, ông Nguyễn Việt T7, ông Nguyễn Thành T8, bà Nguyễn Thị Mỹ T9, ông Nguyễn Việt T10 là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị N trình bày: Nguồn gốc diện tích 1.100m² thuộc thửa 436, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã Vĩnh T là của cụ Phạm Văn C và Trần Thị K (là cha mẹ của bà N) để lại cho bà Phạm Phương L, bà Lan đã được Ủy ban huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1994, đến năm 2002 bà Phạm Phương L chuyển nhượng quyền sử dụng đất lại cho bà Phạm Thị N.

Ngày 02/5/1955 cụ C và cụ K có lập khế ước cho cha ông Phạm Văn M là ông Nguyễn Văn B, bà Huỳnh Thị L thuê diện tích 15 công (phần đất thuê này có diện tích 1.100m² thuộc thửa 436, tờ bản đồ số 2) với thời hạn thuê là 04 năm, từ ngày 30/01/1958 đến 30/01/1962, đến hạn gia đình ông B không trả hết diện tích đất đã thuê mà tiếp tục sử dụng diện tích 412,40m² (theo sơ đồ là thửa 435 do hộ ông M đang sử dụng nhưng chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Giáp ranh đất của bà N với đất của hộ gia đình ông M là hết con mương, con mương này do ông bà của bà N đào để dẫn nước tưới tiêu có từ rất lâu, con mương có chiều ngang 4,91m, dài 28,45m. Quá trình sử dụng đất, gia đình ông M đã lấn chiếm hết con mương này, qua đo đạc thực tế diện tích là 144m².

Nay ông đại diện cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà N yêu cầu hộ gia đình ông Nguyễn Văn M, bà Tăng Thị B, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thành C, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Bé B, Nguyễn Văn M trả lại diện tích đất lấn chiếm 144m², thuộc thửa 436 (từ mốc M1 đến mốc M15 đến mốc M9 đến mốc M10 đến mốc M14, trở về mốc M1, theo sơ đồ đo đạc ngày 28/11/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L) đồng thời phải tháo dỡ, di dời 01 nhà vệ sinh, nhà tắm; 01 bồn nước; 01 sán nước; vật kiến trúc, cây trồng có trên phần diện tích 144m² tại thửa 436, tờ bản đồ số 2 và yêu cầu hộ anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị Bé B phải tháo dỡ, di dời căn nhà khung cột gỗ nhóm III, vách tole sóng tròn, mái tole kẽm sóng vuông, đòn tay gỗ nhóm III, nền lát gạch ống, lát

xi măng có chiều ngang 4,1m, chiều dài 12m và các tài sản khác ra khỏi phần đất lấn chiếm, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Ông Nguyễn Chí T2 là người đại diện theo ủy quyền cho ông Nguyễn Quốc T1 trình bày: Nguồn gốc diện tích 6.100m², thửa 437, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại xã Vĩnh T là do ông, bà của ông để lại cho ông sử dụng. Giáp ranh đất với ông là hộ ông Nguyễn Văn M đang sử dụng, ranh giới quyền sử dụng đất có con mương ngang 5m, dài 17m do ông, bà của ông đào rất lâu để dẫn nước tưới tiêu, đến năm 2014 hộ ông M tự ý sang lấp con mương và lấn chiếm phần diện tích đất trên nên ông khởi kiện yêu cầu hộ ông M trả lại cho ông diện tích lấn chiếm ngang 5m, dài 17m, diện tích 70,3m².

Đến ngày 30/8/2018 ông Nguyễn Quốc T1 có đơn xin rút toàn bộ đơn khởi kiện không yêu cầu hộ ông Nguyễn Văn M trả lại cho ông phần diện tích 70,3m² lấn chiếm trên. Ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn M, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền cho bà Tăng Thị B, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thành C, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Bé B, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Kiều D trình bày: Ông thừa nhận toàn bộ diện tích gia đình ông đang sử dụng hiện nay khoảng 556,40m² là của cụ Phạm Văn C và cụ Trần Thị K cho ông Nguyễn Văn B, bà Huỳnh Thị L là cha, mẹ của ông thuê, hai bên có làm khế ước thuê đất vào ngày 02/5/1955 với diện tích là 15 công, thời hạn thuê là 04 năm, từ ngày 30/01/1958 đến 30/01/1962, đến hạn gia đình cụ B không trả lại hết diện tích đất đã thuê mà tiếp tục sử dụng diện tích khoảng 556,40m² từ đó đến nay (ông M cho rằng cụ C đã cho cha ông phần diện tích này nhưng ông không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh).

Giáp ranh đất với ông là hộ bà N, ranh giới giữa hai bên là con mương ngang 4,91m, dài 28,45m (được xác định từ mốc M1, M14, M10, M9, M15 trở về M1) đã có từ rất lâu nhưng ông không biết ai đào.

Năm 1993 ông có lấp con mương từ phía ngoài lộ vào trong khoảng 20m, đến năm 2005 ông cất nhà bằng cây tạp ngang 4,1m, dài 12m, cũng trong năm 2005 ông cho con ông là anh M và chị B sửa chữa và xây dựng lại căn nhà trên phần đất này bằng khung cột gỗ nhóm III, vách tole sóng tròn, mái tole kẽm sóng vuông, đòn tay gỗ nhóm III, nền lát gạch ống, lát xi măng.

Đến năm 2014 ông tiếp tục lấp con mương từ 20m chạy dài đến giáp ranh đất ông T1 đang sử dụng, nhưng thực tế một phần con mương này lâu ngày bồi đắp nên năm 1975 ông có xây nhà tắm bằng cây tạp trên bờ mương, đến năm 1980 ông sửa chữa xây dựng lại nhà tắm, nhà vệ sinh bằng tường, xây gạch, xây bồn nước và sán nước để sử dụng.

Gia đình ông sử dụng con mương này từ năm 1968 đến nay, ông không có lấn đất của bà N, nên không đồng ý trả lại diện tích ngang 4,19m, dài 28,45m, tổng cộng 144m² và không đồng ý tháo dỡ di dời nhà và các công trình kiến trúc như: căn nhà, nhà vệ sinh, nhà tắm, bồn nước, sán nước và các cây trồng trên phần đất tranh chấp, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Nay ông T1 rút toàn bộ đơn khởi kiện, không yêu cầu hộ gia đình ông trả lại cho ông T1 phần diện tích ngang 5m, dài 17m, diện tích 70,3m² tại thửa 437, tờ bản đồ số 2 xã Vĩnh T ông không có ý kiến và không yêu cầu gì.

- Ông Nguyễn Chí T2, đồng thời đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thanh T3, Nguyễn Thị Mỹ T4, Nguyễn Thị Mỹ T5, ông Nguyễn Châu T6, Nguyễn Việt T7, Nguyễn Quốc T1, Nguyễn Thành T8, Nguyễn Thị Thanh N, Dư Trọng P, Dư Trọng H, Nguyễn Thị Mỹ T9, Nguyễn Việt T10 là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Lân C và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Thông nhất lời trình bày của đại diện những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị N, ngoài ra không trình bày gì khác.

- Ủy ban huyện L trình bày: Hộ bà N đã kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất tại thửa 436, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã V là đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định, khi cấp đất không có đo đạc thực tế, nếu Tòa án giải quyết xác định ranh giới đất giữa hai bên vị trí nào thì Cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh theo kết quả xét xử.

Tại bản án sơ thẩm số 42/2018/DS-ST ngày 18/10/2018 của Tòa án huyện L tuyên xử.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị N.

- Buộc hộ ông Nguyễn Văn M, Tăng Thị B, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thành C, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Bé B, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Kiều D trả cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị N là ông Nguyễn Chí T2, Nguyễn Quốc T1, bà Nguyễn Thị Thanh T3, Nguyễn Thị Mỹ T4, Nguyễn Thị Mỹ T5, ông Nguyễn Châu T6, Nguyễn Việt T7, Nguyễn Thành T8, bà Nguyễn Thị Mỹ T9, ông Nguyễn Việt T10 tổng diện tích 144m² (một trăm bốn mươi bốn mét vuông) tại thửa 436, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã Vĩnh T (từ mốc M1 đến mốc M15 đến mốc M9 kéo sang mốc M10 về mốc M14, trở lại mốc M1, theo sơ đồ đo đạc tranh chấp vào ngày 28/11/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L).

- Buộc hộ ông Nguyễn Văn M, Tăng Thị B, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thành C, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Bé B, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Kiều D phải tháo dỡ, di dời: 01 nhà vệ sinh, nhà tắm ngang 2,7m, dài 1,34m, tường xây gạch 100, trét 02 mặt, quét vôi, mái tole kẽm, nền lát gạch Ceramic, có hầm cầu tự hoại; 01 (một) bồn nước tường xây gạch 100, trét 02 mặt, 1,5m x 1m x 1,8m; 01 (một) sàn nước; vật kiến trúc, cây trồng có trên phần diện tích 144m² tại thửa 436, tờ bản đồ số 2, tọa xã Vĩnh T trả đất cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị N.

- Buộc hộ anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị Bé B phải tháo dỡ, di dời căn nhà khung cột gỗ nhóm III, vách tole sóng tròn, mái tole kẽm sóng vuông, đòn tay gỗ nhóm III, nền lát gạch ống, lát xi măng có chiều ngang 4,1m, chiều dài 12m và các tài sản khác ra khỏi diện tích 144m² tại thửa 436, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã

Vĩnh T trả đất cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị N.

- Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Quốc T1 yêu cầu hộ gia đình ông Nguyễn Văn M trả lại phần diện tích ngang 5m, dài 17m tại thửa 437, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại xã Vĩnh T.

- Ranh đất giữa những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị N với hộ ông Nguyễn Văn M là đường thẳng từ mốc M14 đến mốc M10, dài 28,45m, được tính thẳng từ lòng đất lên không gian.

Vị trí đất, ranh giới quyền sử dụng đất được xác định theo sơ đồ đo vẽ ngày 28/11/2017 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L. Có vị trí tứ cận như sau:

Phía Bắc giáp đất ông M; Phía Nam giáp kênh thủy lợi; Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Quốc T1; Phía Tây giáp lộ nông thôn.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật các đương sự được quyền đến các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký, điều chỉnh diện tích quyền sử dụng đất đối với phần đất đã tuyên trên thuộc thửa 436, tờ bản đồ số 2 tại xã Vĩnh T, do bà Phạm Thị N đứng tên quyền sử dụng đất (kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện Lai V, biên bản định giá ngày 28/11/2017 của Hội đồng định giá huyện L và sơ đồ tranh chấp quyền sử dụng đất ngày 28/11/2017 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L).

2. Về án phí, tạm ứng án phí và chi phí tố tụng:

- Hộ ông Nguyễn Văn M, Tăng Thị B, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thành C, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Bé B, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Kiều D cùng liên đới chịu 1.224.000đ (một triệu hai trăm hai mươi bốn ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị N là ông Nguyễn Chí T2, Nguyễn Quốc Th1, bà Nguyễn Thị Thanh T3, Nguyễn Thị Mỹ T4, Nguyễn Thị Mỹ T5, ông Nguyễn Châu T6, Nguyễn Việt T7, Nguyễn Thành T8, bà Nguyễn Thị Mỹ T9, ông Nguyễn Việt T10 được nhận lại 2.340.000đ (hai triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 025826, ngày 12/8/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

- Ông Nguyễn Quốc T1 được nhận lại 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 05761, ngày 14/7/2016 và 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 15349, ngày 21/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị N là ông Nguyễn Chí T2, Nguyễn Quốc T1, bà Nguyễn Thị Thanh T3, Nguyễn Thị Mỹ T4, Nguyễn Thị Mỹ T5, ông Nguyễn Châu T6, Nguyễn Việt T7, Nguyễn Thành T8, bà Nguyễn Thị Mỹ T9, ông Nguyễn Việt T10 tự nguyện chịu 12.940.000đ (mười hai triệu chín trăm bốn mươi ngàn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá

(đã nộp xong).

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

- Ngày 31/10/2018 ông Nguyễn Văn M có đơn kháng cáo không đồng ý tháo dỡ di dời nhà và các tài sản khác có trên đất để trả lại diện tích 144m² cho nguyên đơn.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn M vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguồn gốc đất hộ ông Nguyễn Văn M đang sử dụng là của gia đình bà Phạm Thị N, được hai bên đương sự thừa nhận, đồng thời phía bà N đã kê khai và được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 25/02/2002 thuộc thửa số 436 tờ bản đồ số 2 có diện tích là 1.100m² loại đất ONT do bà Phạm Thị N đứng tên. Qua đo đạc thực tế vào ngày 28/11/2017 thì đất của bà N đang sử dụng là 795,2m², thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng bà được cấp là 304,8m² (chưa kể phần tranh chấp) trong khi yêu cầu của bà N chỉ đòi lại phần diện tích bị lấn chiếm theo như ranh giới của bà N xác định từ mốc M14 đến M10 thì có Tổng diện tích là 939,2m² (795,2m² diện tích đang sử dụng + 144m² diện tích tranh chấp) như vậy diện tích bà sử dụng còn thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng được cấp là 160,8m². Đối với diện tích đất của bà N đã được Ủy ban huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hoàn toàn hợp pháp, đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

[2] Sau khi án sơ thẩm xử ông Nguyễn Văn M có đơn kháng cáo không đồng ý tháo dỡ di dời nhà và các tài sản khác có trên đất để trả lại diện tích 144m² cho nguyên đơn. Xét yêu cầu kháng cáo của ông M, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông Nguyễn Văn M thừa nhận diện tích tranh chấp 144m² là của cha bà N, không phải là đất của gia đình ông, nhưng cha ông được cha bà N là ông C cho sử

dụng từ năm 1962, quá trình sử dụng từ trước tới nay ông không kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, và cũng chưa xác định ranh giới, mốc giới, ông cho rằng từ lúc gia đình ông sử dụng đất đã có con mương từ rất lâu, ông không biết con mương này ai đào, nhưng phía bà N chứng minh được con mương này do ông bà của bà N đào từ rất lâu dùng để dẫn nước tưới tiêu. Ông M cho rằng gia đình ông sử dụng con mương này từ năm 1968, đến năm 1993 ông lấp con mương từ lộ vào trong khoảng 20m và đến năm 2005 ông xây nhà bằng cây tam ngang 4,1m, dài 12m, cũng trong năm 2005 ông cho con ông là anh M1, chị B sửa chữa và xây dựng lại căn nhà trên phần đất tranh chấp. Đến năm 2014 ông tiếp tục lấp con mương từ 20m chạy dài đến giáp ranh đất của ông T1, nhưng thực tế một phần con mương này lâu ngày bồi đắp nên năm 1975 ông có xây nhà tắm bằng cây tam trên bờ mương, đến năm 1980 ông sửa chữa xây dựng lại nhà tắm, nhà vệ sinh bằng gạch xây tường, bồn nước và sàn nước. Xét lời khai nại của ông M không đúng thực tế, ông khai vào năm 2014 ông mới sang lấp một phần con mương từ 20m vào giáp ranh đất ông T1 bằng phẳng như hiện nay nhưng vào năm 1975 ông xây nhà tắm tam trên bờ mương, năm 1980 ông sửa lại và xây thêm nhà vệ sinh, bồn nước, sàn nước là không phù hợp. Bởi vì, tại thời điểm năm 1975, 1980 gia đình bà N vẫn còn sử dụng nước trên con mương này để tưới tiêu cho các cây trồng trên đất của bà N, cũng như trên phần đất phía sau mà ông T1 đang sử dụng.

Ngoài phần diện tích tranh chấp 144m² ra, hộ ông M đang sử dụng diện tích 70,3m² là phần đất ông T1 đang tranh chấp với ông tại thửa 437 (tại phiên tòa ông T1 đã rút yêu cầu khởi kiện không yêu cầu hộ ông M trả lại diện tích lần chiếm 70,3m²) tổng cộng hộ ông M sử dụng là 412,4m² (342,1m² + 70,3m²). Liên hệ phần diện tích 144m² đang tranh chấp có căn nhà của ông M xây dựng từ trước đến nay trên thửa 435, đất này cũng có nguồn gốc là của gia đình bà N, nhưng phía bà N không yêu cầu gia đình ông M trả lại, điều đó đã tạo điều kiện thuận lợi để hộ ông M có chỗ ở ổn định, chứ không phải gây khó khăn như phía ông M trình bày. Tại phiên tòa ông M cũng không đưa ra được chứng cứ giấy tờ gì để chứng minh cụ C, cụ K đã cho cha ông là ông B sử dụng luôn phần diện tích đất trên cũng như phần diện tích con mương đang tranh chấp.

Từ những phân tích trên, xét án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; Buộc hộ ông M và vợ chồng anh M1, chị B phải tháo dỡ, di dời nhà, nhà tắm, nhà vệ sinh, bồn nước, sàn nước, vật kiến trúc khác, cây trồng có trên phần đất tranh chấp để trả lại cho nguyên đơn diện tích 144m² tại thửa 436, tờ bản đồ số 2 là có căn cứ. Xét kháng cáo của ông M là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa ông T1 rút yêu cầu khởi kiện không yêu cầu hộ ông M trả lại diện tích lần chiếm 70,3m² và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông là phù hợp.

Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên ông M phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, đối với quyết định của bản án sơ thẩm tuyên chưa cụ thể rõ ràng, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh cách tuyên cho phù hợp.

[5] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông M, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 4 Luật đất đai năm 2003; Điều 166; Điều 195 Luật đất đai năm 2013; Điều 164; Điều 166; Điều 175; Điều 176 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27 pháp lệnh án phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn M.
2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 42/2018/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện L.
3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị N.

- Buộc hộ ông Nguyễn Văn M, Tăng Thị B, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thành C, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Bé B, Nguyễn Văn M1, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Kiều D phải trả lại cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị N là ông Nguyễn Chí T2, Nguyễn Quốc T1, bà Nguyễn Thị Thanh T3, Nguyễn Thị Mỹ T4, Nguyễn Thị Mỹ T5, ông Nguyễn Châu T6, Nguyễn Việt T7, Nguyễn Thành T8, bà Nguyễn Thị Mỹ T9, ông Nguyễn Việt T10 diện tích 144m² thuộc thửa 436, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại xã Vĩnh T, huyện L theo các mốc: M1, M14, M10, M9, M15 trở về mốc M1.

- Buộc hộ ông Nguyễn Văn M, Tăng Thị B, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thành C, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Bé B, Nguyễn Văn M1, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Kiều D phải tháo dỡ, di dời toàn bộ nhà tắm, nhà vệ sinh, bồn nước, sàn nước, vật kiến trúc khác và cây trồng có trên phần diện tích 144m² thuộc thửa 436, tờ bản đồ số 2 để trả lại diện tích đất trên cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị N.

- Buộc anh Nguyễn Văn M1, chị Nguyễn Thị Bé B phải tháo dỡ, di dời toàn bộ căn nhà gỗ (4,1m x 12m) và các tài sản khác ra khỏi diện tích 144m² thuộc thửa 436, tờ bản đồ số 2 để trả lại diện tích đất cho những người kế thừa quyền và nghĩa

vụ tố tụng của bà Phạm Thị N.

- Ranh giới quyền sử dụng đất giữa những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị N với hộ ông Nguyễn Văn M là đường thẳng nối từ mốc M14 đến mốc M10. Ranh giới được xác định từ lòng đất lên không gian, tài sản có trên ranh giới đã được xác định phải được tháo dỡ, di dời theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/11/2017; mảnh trích đo địa chính số 27/2018 ngày 14/6/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L).

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc T1 yêu cầu hộ ông Nguyễn Văn M trả lại phần diện tích ngang 5m, dài 17m tại thửa 437, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại xã V, huyện Lai V.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật các đương sự được quyền đến các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký, điều chỉnh diện tích quyền sử dụng đất theo bản án đã tuyên.

4. Về án phí, tạm ứng án phí và chi phí tố tụng:

- Hộ ông Nguyễn Văn M, Tăng Thị B, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thành C, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Bé B, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Kiều D cùng liên đới chịu 1.224.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị N là ông Nguyễn Chí T1, Nguyễn Quốc T1, bà Nguyễn Thị Thanh T3, Nguyễn Thị Mỹ T4, Nguyễn Thị Mỹ T5, ông Nguyễn Châu T6, Nguyễn Việt T7, Nguyễn Thành T8, bà Nguyễn Thị Mỹ T9, ông Nguyễn Việt T10 được nhận lại 2.340.000đ tiền tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 025826, ngày 12/8/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L

- Ông Nguyễn Quốc T1 được nhận lại 200.000đ tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 05761, ngày 14/7/2016 và 300.000đ tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 15349, ngày 21/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị N là ông Nguyễn Chí T2, Nguyễn Quốc T1, bà Nguyễn Thị Thanh T3, Nguyễn Thị Mỹ T4, Nguyễn Thị Mỹ T5, ông Nguyễn Châu T6, Nguyễn Việt T7, Nguyễn Thành T8, bà Nguyễn Thị Mỹ T9, ông Nguyễn Việt T10 tự nguyện chịu 12.940.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá (đã nộp xong).

5. Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn M phải chịu 300.000đ tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 0002491 ngày 05/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L (ông M đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện L;
- TAND huyện L;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Phước Hội